

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

#### \* Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt<sup>1</sup>:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

#### 1. Mức độ đáp ứng yêu cầu giải pháp kỹ thuật của vật liệu xây dựng:

| Nội dung yêu cầu  | Mức độ đáp ứng  |           |
|---|---|-----------|
| 1.1 Về đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đặc tính, thông số kỹ thuật, năm sản xuất đáp ứng các yêu cầu của từng loại hàng hóa được quy định tại Chương V</li> <li>- Nhà thầu chào bản danh mục hàng hóa (bao gồm các thông tin cơ bản tối thiểu gồm có: Tên hàng hóa, xuất xứ, nhà sản xuất hoặc thương hiệu, model, thông số kỹ thuật...) đủ số lượng hàng hóa tại Chương V của E-HSMT.</li> <li>- Nhà thầu cung cấp catalogue toàn bộ hàng hóa kèm theo. Nếu trường hợp catalogue không đầy đủ thông số kỹ thuật, thì phải có văn bản xác nhận thông số kỹ thuật của nhà sản xuất nhằm thể hiện đáp ứng thông số kỹ thuật đáp ứng E-HSMT.</li> </ul> <p>Trường hợp tài liệu chứng minh bằng tiếng nước ngoài trừ tiếng Anh phải được dịch ra tiếng Việt Nam; Có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp nếu nhà thầu không kinh doanh các loại vật liệu này (đơn vị này phải có năng lực cung cấp các loại thiết bị, nội thất tương ứng thể hiện qua giấy đăng ký kinh doanh ...).</p> | Đạt       |
|   | Không mô tả Hoặc mô tả không đầy đủ hoặc mô tả nhưng đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất không đáp   | Không đạt |

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

|                 |   |           |
|-----------------|---|-----------|
|                 | <p>ứng các yêu cầu của từng loại hàng hóa được quy định tại Chương V</p> <p>Không cung cấp catalogue kèm theo.</p> <p>Không đáp ứng các yêu cầu nêu tại cột bên. Không có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp khi nhà thầu không sản xuất được các loại thiết bị này. Hoặc có hợp đồng nguyên tắc nhưng không hợp lệ (có dấu hiệu cắt, gián, không phù hợp, không thống nhất các nội dung trong hợp đồng...).</p> |           |
| <b>Kết luận</b> | Các tiêu chuẩn chi tiết 1.1 được xác định là đạt.   | Đạt       |
|                 | Không thuộc các trường hợp nêu trên.  | Không đạt |

## 2. Giải pháp kỹ thuật - Biện pháp tổ chức thi công:

| <b>Nội dung yêu cầu</b>   | <b>Mức độ đáp ứng</b>   |                       |
|---|---|-----------------------|
| 2.1. Tổ chức mặt bằng công trường: Thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải trong quá trình thi công. | Có giải pháp tổ chức mặt bằng công trường hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.   | <b>Đạt</b>            |
|   | Có giải pháp tổ chức mặt bằng công trường hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng nhưng thiếu giải pháp kỹ thuật về lán trại.  | <b>Chấp nhận được</b> |
|   | Giải pháp tổ chức mặt bằng công trường không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.  | <b>Không đạt</b>      |
| 2.2. Giải pháp kỹ thuật, cung cấp vận chuyển, lắp đặt và bàn giao.  | <p>Có các giải pháp kỹ thuật, cung cấp hợp lý. Có phương án đóng gói, vận chuyển, lắp đặt bàn giao hợp lý, khả thi. Có biện pháp phối hợp giữa các bên trong quá trình giao nhận đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Hàng hóa bị hỏng lỗi trong quá trình vận chuyển phải được thay mới 100%.</p> <p>Nhà thầu có đề xuất các giải pháp kết nối hệ thống thiết bị, phần mềm đảm bảo đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu kỹ thuật tại Chương V của E-HSMT</p> <p>Có cam kết đơn vị cung cấp hàng hóa chịu toàn bộ chi phí vận chuyển, bảo hiểm hàng hóa, bàn giao, lắp đặt, nghiệm thu.</p> | <b>Đạt</b>            |
|   | Không có hoặc các giải pháp kỹ thuật, cung cấp, vận chuyển lắp đặt và bàn giao không hợp lý, không đầy đủ, hoặc sơ sài không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật tại Chương  | <b>Không đạt</b>      |

|   |  |                  |
|---|--|------------------|
|   | V của E-HSMT. Không có biện pháp phối hợp giữa các bên trong quá trình giao nhận và không đáp ứng các yêu cầu trên.  |                  |
| 2.3. Biện pháp kiểm tra và nghiệm thu bàn giao hàng hóa vào sử dụng | Có biện pháp kiểm tra và nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đầy đủ, phù hợp với giải pháp kỹ thuật hợp lý, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu<br><br>Có chương trình, kế hoạch đào tạo, hướng dẫn sử dụng<br><br>Giải pháp xử lý hàng hóa phát hiện không phù hợp với yêu cầu của gói thầu   | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có biện pháp kiểm tra hoặc nghiệm thu hoặc có biện pháp kiểm tra và nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng nhưng không đầy đủ, không phù hợp với giải pháp kỹ thuật của gói thầu<br><br>Không có chương trình, kế hoạch đào tạo, hướng dẫn sử dụng hoặc có nhưng không phù hợp yêu cầu chung của gói thầu<br><br>Không có giải pháp xử lý hàng hóa phát hiện không phù hợp với yêu cầu của gói thầu | <b>Không đạt</b> |
| 2.4. Hướng dẫn vận hành, sử dụng thành thạo                         | Có biện pháp hướng dẫn vận hành, sử dụng và có cam kết hướng dẫn đến khi chủ đầu tư vận hành, sử dụng thành thạo   | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có biện pháp hướng dẫn vận hành, sử dụng<br><br>Không có cam kết hướng dẫn đến khi chủ đầu tư vận hành, sử dụng thành thạo   | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>   | Các tiêu chuẩn chi tiết 2.2; 2.3; 2.4 được xác định là đạt, tiêu chuẩn chi tiết 2.1 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được.  | <b>Đạt</b>       |
|   | Không thuộc các trường hợp nêu trên.   | <b>Không đạt</b> |

### 3. Tiến độ thi công:

| <b>Nội dung yêu cầu</b>   | <b>Mức độ đáp ứng</b>   |            |
|---|---|------------|
| 3.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 90 ngày kể cả ngày nghỉ. ( <b>Riêng các loại màn hình cường lực, bàn ghế giáo viên, bàn ghế học</b> ) | a. Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 90 ngày có tính đến điều kiện thời tiết đồng thời đề xuất chi tiết Riêng các loại màn hình cường lực, bàn ghế giáo viên, bàn ghế học sinh, bảng trượt: Thời gian thi công không quá 30 ngày.<br><br>b. Cam kết không vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng, trường hợp vi phạm tiến độ hợp đồng chấp thuận sẽ bị nêu tên trên hệ thống đấu thầu quốc gia. | <b>Đạt</b> |

|   |   |                  |
|---|---|------------------|
| <b>sinh, bằng trượt: thời gian thi công không quá 30 ngày)</b>  | Không đáp ứng một trong các tiêu chí a, b,  | <b>Không đạt</b> |
| 3.2. Tính phù hợp: Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công   | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi.  | <b>Đạt</b>       |
|   | Đề xuất không đủ.   | <b>Không đạt</b> |
| 3.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E - HSMT | Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E - HSMT.                           | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật. | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>   | Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |
|   | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.  | <b>Không đạt</b> |

#### 4. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

| <b>Nội dung yêu cầu</b>  | <b>Mức độ đáp ứng</b>   |                  |
|--|---|------------------|
| 4.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công lắp đặt thiết bị                                    | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công lắp đặt thiết bị  | <b>Đạt</b>       |
|  | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.        | <b>Không đạt</b> |
| 4.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công lắp đặt thiết bị. | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công lắp đặt thiết bị.   | <b>Đạt</b>       |
|  | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công lắp đặt thiết bị. | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>  | Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |
|  | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.  | <b>Không đạt</b> |

#### 5. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

| <b>Nội dung yêu cầu</b>  | <b>Mức độ đáp ứng</b>  |                  |
|--|--|------------------|
| <b>5.1. An toàn lao động</b>   |  |                  |
| Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công   | <b>Đạt</b>       |
|  | Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | <b>Không đạt</b> |
| <b>5.2. Phòng cháy, chữa cháy</b>  |  |                  |

|   |   |                  |
|---|---|------------------|
| Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công      | Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công  | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công       | <b>Không đạt</b> |
| <b>5.3. Vệ sinh môi trường</b>  |   |                  |
| Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công   | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>   | Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |
|   | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.  | <b>Không đạt</b> |

## 6. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

| <b>Nội dung yêu cầu</b>       | <b>Mức độ đáp ứng</b>  |
|-------------------------------|--|
| <b>6.1. Bảo hành, bảo trì</b> |  |
|                               | <p>Có đề xuất thời gian bảo hành tối thiểu 12 tháng và theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (nếu có).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thuyết minh xử lý sự cố, trong đó phải thể hiện các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quy trình xử lý sự cố</li> <li>+ Phương án, kế hoạch xử lý sự cố.</li> </ul> </li> <li>- Có Thuyết minh các dịch vụ bảo hành, bảo trì thiết bị, trong đó phải thể hiện các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quy trình bảo hành, bảo trì</li> <li>+ Kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;</li> <li>+ Năng lực cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;</li> <li>+ Khả năng lắp đặt thiết bị, hàng hóa</li> </ul> </li> <li>- Có “Cam kết khắc phục sự cố trong vòng 08 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu”</li> <li>+ Cam kết thu hồi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa không đảm bảo chất lượng mà không do lỗi của bên mời thầu, chủ đầu tư và cung cấp bù số lượng đảm bảo chất lượng như yêu cầu. Trong trường hợp giao hàng hóa không đảm bảo chất lượng, chủ đầu tư sẽ lập biên bản vi phạm, trường hợp vi phạm quá 03 lần sẽ chấm dứt hợp đồng.</li> </ul> |

|   |   |                  |
|---|---|------------------|
|   | - Nhà thầu cung cấp số điện thoại đường dây nóng và địa chỉ liên hệ trực tiếp để tiếp nhận thông tin bảo hành, bảo trì;   |                  |
|   | Không đáp ứng yêu cầu trên.   | <b>Không đạt</b> |
| <b>6.2. Uy tín nhà thầu</b>   |   |                  |
| Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu (không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng) và thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó. | Không có gói thầu nào (không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng) và thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó. | <b>Đạt</b>       |
| Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu (không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng) và thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó. | Có gói thầu (không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng) và thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó.           | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>   | Tiêu chuẩn 6.1, 6.2 được xác định là đạt.   | <b>Đạt</b>       |
|   | Không thuộc trường hợp nêu trên.  | <b>Không đạt</b> |

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5 và 6 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5 và 6 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

##### **4.1. Phương pháp giá thấp nhất<sup>1</sup>:**

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phân chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT.

**Ghi chú: Theo quy định giảm thuế hiện hành, yêu cầu nhà thầu:**

**+ Giá gói thầu được duyệt với thuế VAT là 8%. Đề nghị Nhà thầu chào giá với thuế VAT là 8%.**

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.